

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 15-8-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Đăng

Ông Nguyễn Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Lê Nguyễn Trường G – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2025/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ B, khu phố S, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đạt N, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: Tổ B, khu phố S, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều T tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đạt N tự nguyện tìm hiểu trong thời gian một năm và tiến tới hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) vào ngày 25/10/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường bắt đầu từ quan điểm sống, cách sống, về kinh tế gia đình, từ những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến những mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải, từ đó làm cho cuộc sống căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vì không còn tiếng nói chung nên vợ chồng không thể ngồi lại trò chuyện để thấu hiểu nhau. Do đó không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã riêng tư về mọi mặt.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đạt N.

Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung là cháu Nguyễn Đạt Xuân Á, sinh ngày 14/01/2012, cháu Nguyễn Đạt H, sinh ngày 25/09/2014 và cháu Nguyễn Đạt V, sinh ngày 02/11/2017. Hiện nay ba con chung đang sống cùng vợ chồng bà. Khi ly hôn, bà Huỳnh Thị Kiều T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Xuân Á và Đạt V, giao cháu Nguyễn Đạt H cho ông Nguyễn Đạt N trực tiếp nuôi đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T và ông N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T hiện buôn bán tại chợ T1, thu nhập mỗi tháng khoảng 15 triệu đồng, ông N làm công nhân, sau đó nghỉ. Hiện nay ông N là tự do, thu nhập của ông N khoảng 6 đến 7 triệu đồng. Vợ chồng bà hiện đang sống tại nhà riêng tại khu phố S.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Đạt N tại Tòa án:

Ông N thừa nhận quá trình tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Ông N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và xảy ra cuối năm 2023, nhưng mâu thuẫn này không đáng để ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế. Bà T bán thịt heo tại chợ. Việc làm ăn bà T tự quyết, tiền bạc bà T tự làm tự giữ. Trước đây vợ chồng có nói lớn tiếng với nhau khi xảy ra bất đồng, tuy nhiên sau này ông không nói nữa. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ, vì ông muốn con cái có cha có mẹ, không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông N và bà T có 03 con chung, là cháu Nguyễn Đạt Xuân Á, sinh ngày 14/01/2012, cháu Nguyễn Đạt H, sinh ngày 25/09/2014 và cháu Nguyễn Đạt V, sinh ngày 02/11/2017. Hiện nay cả ba con đang sống với vợ chồng ông. Cháu Á chuẩn bị vào lớp 8, cháu H sắp vào lớp 6 còn cháu V chuẩn bị vào học lớp 02. Cả hai vợ chồng đang sống tại nhà riêng của hai vợ chồng tại khu phố S. Hiện nay ông làm tự do, ai thuê gì làm nấy. Thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 6 triệu đồng. Trường hợp bà T kiên quyết xin ly hôn, và yêu cầu giao con Nguyễn Đạt H cho ông nuôi thì ông đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Kiều T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp ông Đạt N yêu cầu giao ba con chung cho bà T nuôi dưỡng thì bà T đồng ý. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Đạt N không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Về con chung ông N yêu cầu giao ba con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh:

- *Về tố tụng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông N. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà T, giao ba con chung là Nguyễn Đạt Xuân Á, sinh ngày 14/01/2012, Nguyễn Đạt H, sinh ngày 25/09/2014 và Nguyễn Đạt V, sinh ngày 02/11/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đạt N, hiện đang cư trú tại Tổ B, khu phố S, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Nền vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh, quan hệ tranh chấp được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định: Bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn Đạt N tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường H, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 25/10/2010.

Bà T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm đến nhau, vợ chồng thường cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, ông N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, vợ chồng không chia sẻ với nhau, vợ chồng có cãi vã, nhưng ông N cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, ông còn thương yêu vợ con và mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ.

Tòa án đã tổ chức nhiều buổi hòa giải, để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, con chung, vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại Hội liên hiệp Phụ nữ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì giữa vợ chồng bà T, ông N có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn, vợ chồng có to tiếng với nhau. Bà T buôn bán tại chợ T1, ông N hiện làm việc tự do. Bà T và ông N đều có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

Kết quả xác minh cũng phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn cũng như thừa nhận của bị đơn về việc giữa vợ chồng có mâu thuẫn. Ông N ngoài mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ không đưa ra được phương án nào hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông N đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, cần áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung:

Bà T và ông N xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Đạt Xuân Á, sinh ngày 14/01/2012, Nguyễn Đạt H, sinh ngày 25/09/2014 và Nguyễn Đạt V, sinh ngày 02/11/2017.

Tại phiên tòa, bà T và ông N thỏa thuận giao ba con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Để bảo đảm quyền lợi ích mọi mặt của con chung cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các con chung Nguyễn Đạt Xuân Á, sinh ngày 14/01/2012, Nguyễn Đạt H, sinh ngày 25/09/2014 và Nguyễn Đạt V, sinh ngày 02/11/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kiều T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” với ông Nguyễn Đạt N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Đạt N.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn Đạt N về việc giao các con chung Nguyễn Đạt Xuân Á, sinh ngày 14/01/2012, Nguyễn Đạt H, sinh ngày 25/09/2014 và Nguyễn Đạt V, sinh ngày 02/11/2017 cho bà Huỳnh Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Đạt N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Đạt N được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Kiều T, ông Nguyễn Đạt N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kiều T, ông Nguyễn Đạt N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001043 ngày 31/03/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, bà Huỳnh Thị Kiều T đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND KV 12- Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 12- Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- UBND P. Tân Thành,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thường

